

Số: 06 /2024/TT-BXD

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2024

THÔNG TƯ

Ban hành QCVN 10:2024/BXD

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng công trình
đảm bảo tiếp cận sử dụng

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư ban hành QCVN 10:2024/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng, mã số QCVN 10:2024/BXD.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2025.

2. Bãi bỏ Thông tư số 21/2014/TT-BXD ngày 29/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng, mã số QCVN 10:2014/BXD.!

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để đăng ký);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Các Sở: XD, GTVT, NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Bùi Xuân Dũng**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 10:2024/BXD

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐẢM BẢO TIẾP CẬN SỬ DỤNG**

National Technical Regulation on Constructions Accessibility

HÀ NỘI – 2024

Mục lục

	Trang
Lời nói đầu	4
1 QUY ĐỊNH CHUNG	5
1.1 Phạm vi điều chỉnh	5
1.2 Đối tượng áp dụng	5
1.3 Tài liệu viện dẫn	6
1.4 Giải thích từ ngữ	6
2 QUY ĐỊNH KỸ THUẬT	8
2.1 Bãi đỗ xe và điểm dừng chờ xe	8
2.2 Đường, lối vào công trình	10
2.3 Cửa	13
2.4 Thang máy	13
2.5 Các không gian công cộng trong công trình	13
2.6 Thoát nạn	18
2.7 Đường và hè phố	19
2.8 Dấu hiệu cảnh báo có thể nhận biết	22
2.9 Biển báo, biển chỉ dẫn	23
3 TỔ CHỨC THỰC HIỆN	23
PHỤ LỤC A	24
PHỤ LỤC B	25

Lời nói đầu

QCVN 10:2024/BXD do Viện Kiến trúc Quốc gia (Bộ Xây dựng) biên soạn, Vụ Khoa học công nghệ và môi trường trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ Xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BXD ngày 01 tháng 08 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

QCVN 10:2024/BXD thay thế QCVN 10:2014/BXD ban hành theo Thông tư số 21/2014/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐẢM BẢO TIẾP CẬN SỬ DỤNG

National technical regulation on constructions accessibility

1 QUY ĐỊNH CHUNG

1.1 Phạm vi điều chỉnh

1.1.1 Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc phải tuân thủ khi xây dựng mới hoặc cải tạo các công trình xây dựng để đảm bảo người gặp khó khăn khi tiếp cận có thể tiếp cận sử dụng.

CHÚ THÍCH: Đối với các công trình di tích cần phải bảo tồn, công trình cũ không đủ điều kiện để cải tạo phải có các giải pháp trợ giúp người gặp khó khăn khi tiếp cận.

1.1.2 Các công trình xây dựng phải đảm bảo tiếp cận sử dụng cho người gặp khó khăn khi tiếp cận bao gồm:

a) Nhà chung cư;

b) Công trình công cộng:

- Công trình giáo dục, đào tạo, nghiên cứu;
- Công trình trụ sở, văn phòng làm việc;
- Công trình y tế;
- Công trình thể thao;
- Công trình văn hóa;
- Công trình thương mại, dịch vụ.

c) Công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị:

- Công trình giao thông đô thị: nhà ga, bến tàu, bến xe, đường và hè phố, hầm đi bộ, cầu vượt bộ hành;
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật và tiện ích đô thị khác (nhà tang lễ, nghĩa trang, nhà vệ sinh công cộng, công viên, điểm chờ xe buýt, máy rút tiền tự động, điểm truy cập internet công cộng).

1.2 Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư, xây dựng, quản lý và sử dụng các công trình nêu ở 1.1.2.

1.3 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau là cần thiết cho việc áp dụng quy chuẩn này. Trường hợp tài liệu viện dẫn được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng phiên bản mới nhất.

QCVN 01:2021/BXD, *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng*;

QCVN 03:2022/BXD, *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng*;

QCVN 06:2022/BXD, *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình*.

1.4 Giải thích từ ngữ

Trong quy chuẩn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.4.1

Người gặp khó khăn khi tiếp cận

Người cao tuổi bị suy giảm các chức năng của cơ thể, người tạm thời gặp khó khăn trong di chuyển, người khuyết tật.

CHÚ THÍCH: Đối tượng người khuyết tật được đề cập quy định tại quy chuẩn này bao gồm: người khuyết tật vận động; người khuyết tật nghe, nói; người khuyết tật nhìn.

1.4.2

Người cao tuổi bị suy giảm các chức năng của cơ thể

Người từ đủ 60 tuổi trở lên khi bị lão hóa dẫn đến suy giảm các chức năng vận động, nghe, nhìn.

1.4.3

Người tạm thời gặp khó khăn trong di chuyển

Phụ nữ mang thai, người có con nhỏ đẩy xe nôi, người bệnh, người đang bị chấn thương dẫn đến hạn chế trong vận động, di chuyển.

1.4.4

Người khuyết tật

Người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn.

1.4.5

Khuyết tật vận động

Tình trạng giảm hoặc mất chức năng cử động đầu, cổ, chân, tay, thân mình dẫn đến hạn chế trong vận động, di chuyển.

Người khuyết tật vận động có khả năng tự đi lại được nhờ các thiết bị trợ giúp như xe lăn, nạng, nẹp, giày chỉnh hình, gậy chống, lồng chống.

1.4.6

Khuyết tật nghe, nói

Tình trạng giảm hoặc mất chức năng nghe, nói hoặc cả nghe và nói, phát âm không thành tiếng và câu rõ ràng dẫn đến hạn chế trong giao tiếp, trao đổi thông tin bằng lời nói.

Người khuyết tật trong khả năng nghe có thể ở các mức độ khác nhau như: bị điếc hoàn toàn; nghe được một số tần số âm thanh nhất định; thỉnh thoảng gặp khó khăn khi nghe.

1.4.7

Khuyết tật nhìn

Tình trạng giảm hoặc mất khả năng nhìn và cảm nhận ánh sáng, màu sắc, hình ảnh, sự vật trong điều kiện ánh sáng và môi trường bình thường.

Người khuyết tật nhìn có thể ở các mức độ khác nhau như: không có khả năng phân biệt sáng tối (bị mù hoàn toàn); hạn chế tầm nhìn: không có khả năng nhìn hai bên, bên trên hoặc bên dưới; hạn chế khả năng nhìn rõ; bị cận thị nặng; bị mù màu, bị lóa khi gặp ánh sáng mạnh.

1.4.8

Tiếp cận

Là việc người gặp khó khăn khi tiếp cận sử dụng được nhà ở và công trình công cộng, phương tiện giao thông, công nghệ thông tin, dịch vụ văn hóa, thể thao, du lịch và dịch vụ khác phù hợp để có thể hòa nhập cộng đồng.

1.4.9

Công trình xây dựng đảm bảo tiếp cận sử dụng

Môi trường kiến trúc được tạo dựng mà người gặp khó khăn khi tiếp cận có thể đến và sử dụng các không gian chức năng trong công trình.

1.4.10

Đường vào công trình

Đường dẫn tới lối vào công trình.

1.4.11

Lối vào công trình

Lối tiếp cận vào bên trong công trình.

1.4.12**Dấu hiệu cảnh báo có thể nhận biết**

Dấu hiệu đặc trưng của một bề mặt đã tiêu chuẩn hoá được đặt vào hoặc gắn lên diện tích bề mặt đường đi bộ hoặc lên cấu kiện khác để báo hiệu cho người khuyết tật nhận biết những bất thường trên lối đi.

2 QUY ĐỊNH KỸ THUẬT**2.1 Bãi đỗ xe và điểm dừng chờ xe**

2.1.1 Trong bãi đỗ xe công cộng và bãi đỗ xe của các tòa nhà phải có chỗ đỗ xe cho người gặp khó khăn khi tiếp cận. Số lượng tính toán chỗ đỗ xe phải tuân theo quy định trong Bảng 1.

Bảng 1 – Số lượng chỗ đỗ xe cho người gặp khó khăn khi tiếp cận trong bãi đỗ xe

Đơn vị tính: Chỗ

Tổng số chỗ đỗ xe	Số lượng tối thiểu cho người gặp khó khăn khi tiếp cận
Trên 5 đến 50	1
Từ 51 đến 100	2
Từ 101 đến 150	3
Từ 151 đến 200	4
Trên 200	5 + 1 chỗ cho mỗi lần thêm 100 xe

CHÚ THÍCH:

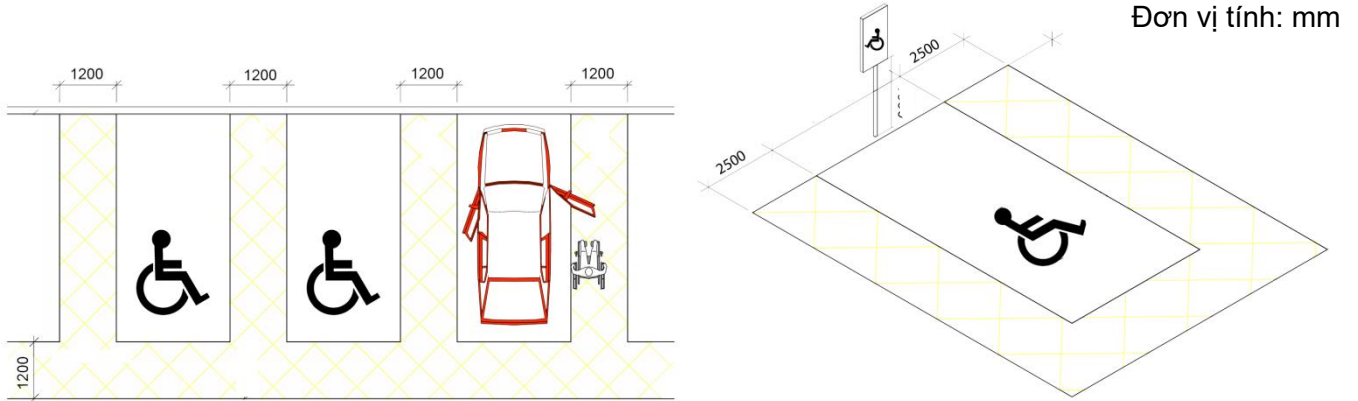
- 1) Diện tích chỗ đỗ xe bao gồm đường nội bộ trong gara/bãi đỗ xe, tuân thủ quy định tại QCVN 01:2021/BXD.
- 2) Nếu bãi đỗ xe có không quá 5 chỗ thì không cần thiết kế chỗ đỗ xe cho người gặp khó khăn khi tiếp cận.
- 3) Bên cạnh chỗ đỗ xe ô tô dành cho người gặp khó khăn khi tiếp cận phải có khoảng không gian có chiều rộng thông thủy đảm bảo:
 - Không nhỏ hơn 1 200 mm đối với chỗ đỗ xe ô tô dưới 24 chỗ; (Xem hình 1a)
 - Không nhỏ hơn 2 500 mm đối với chỗ đỗ xe ô tô trên 24 chỗ. (Xem hình 1b)

2.1.2 Vị trí chỗ đỗ xe cho người gặp khó khăn khi tiếp cận phải được bố trí gần đường vào, lối vào công trình. Đối với các bãi đỗ xe công cộng thì chỗ đỗ xe cho người gặp khó khăn khi tiếp cận phải gần với đường dành cho người đi bộ.

2.1.3 Tại các điểm dừng chờ xe khi có sự thay đổi cao độ phải bố trí vệt dốc hay đường dốc và đặt các tấm lát nổi hoặc đánh dấu bằng các màu sắc tương phản trên đường chờ để người gặp khó khăn khi tiếp cận đến được các phương tiện giao thông (xem Hình 2).

2.1.4 Tại các điểm dừng chờ xe phải bố trí chỗ ngồi cho người gặp khó khăn khi tiếp cận và có không gian dành cho người đi xe lăn (xem Hình 3).

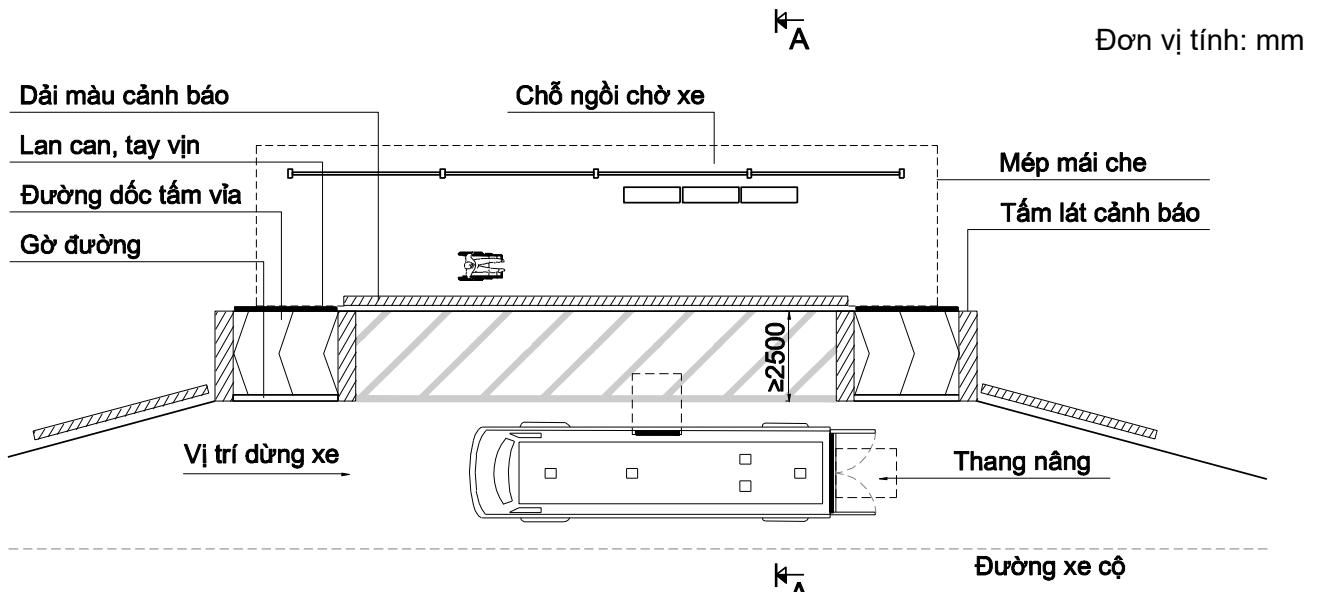
2.1.5 Tại khu vực dành cho người gặp khó khăn khi tiếp cận phải có biển báo, biển chỉ dẫn hoặc các dấu hiệu cảnh báo có thể nhận biết theo quy ước quốc tế.



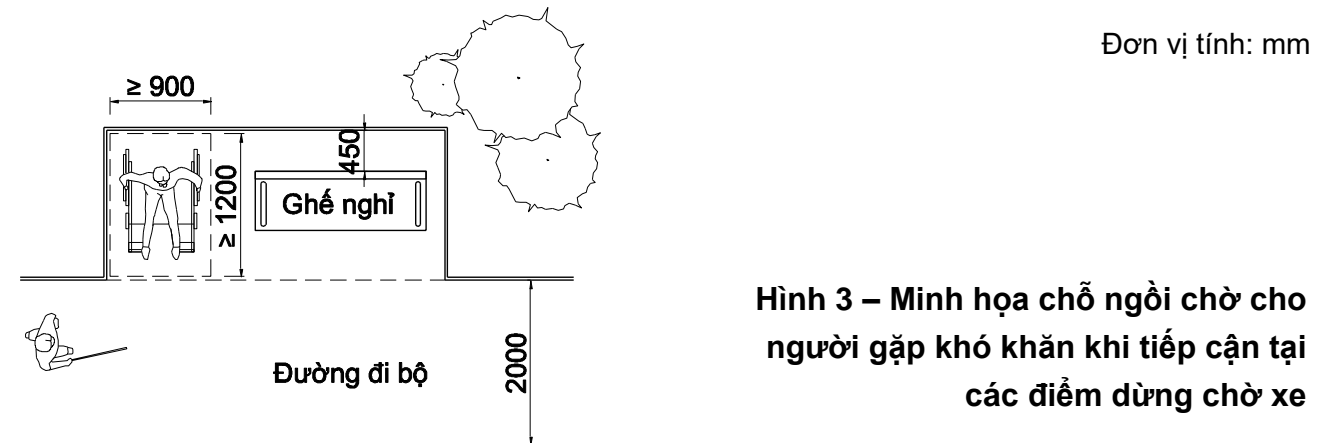
a) Chỗ đỗ xe ô tô dưới 24 chỗ

b) Chỗ đỗ xe ô tô trên 24 chỗ

Hình 1 – Minh họa chỗ đỗ xe cho người khuyết tật



Hình 2 – Minh họa điểm dừng chờ xe



Hình 3 – Minh họa chỗ ngồi chờ cho người gặp khó khăn khi tiếp cận tại các điểm dừng chờ xe